

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Dịch vụ hàng không Sân Bay Tân Sơn Nhất thực hiện công bố thông tin Báo cáo Tài chính (BCTC) quý 2 năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

- Mã chứng khoán: SAS
- Địa chỉ: Sân bay Quốc Tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hoà, Tp.HCM.
- Điện thoại liên hệ/Tel: 028-38448358 - Fax: 028-38447812.
- Email: thukycongtv@sasco.com.vn, ducdq@sasco.com.vn
- Website: www.sasco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC quý 2 năm 2026
- ☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
- ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
- ☒ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
- + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2026):
- ☐ Có Không ☐
- Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
- ☐ Có Không ☐
- + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC cùng kỳ năm 2025):
- ☐ Có Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

Không ☐

- + Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

Không ☐

- + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

Không ☐

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

Không ☐

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 21/07/2026 tại đường dẫn: www.sasco.com.vn

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTCTH Quý 2 năm 2026.
- Văn bản giải trình lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2026 tăng giảm hơn 10% so với cùng kỳ



Đại diện tổ chức
TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hùng Cường

CÔNG TY CP DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

-----oOo-----

Số: 26 / SASCO

V/v giải trình lợi nhuận sau thuế Quý 2/2026
tăng/giảm hơn 10% so với cùng kỳ 2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----oOo-----

Tp. HCM, Ngày 20 tháng 07 năm 2026

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Quý Cổ đông

- Tên công ty đại chúng : **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT (SASCO)**
- Địa chỉ trụ sở chính : Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa,
Thành phố Hồ Chí Minh.
- Điện thoại liên lạc : (08) 38448358 – Fax: (08) 38447812
- Website : www.sasco.com.vn
- Vốn điều lệ : 1.334.813.100.000 đồng
- Mã chứng khoán : SAS

Thực hiện Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 và sửa đổi bổ sung tại Thông tư 68/2024/TT-BTC ngày 16/09/2024 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Tân Sơn Nhất (SASCO) xin giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) của Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty Quý 2/2026 tăng/giảm hơn 10% so với cùng kỳ năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Q2/2026	Q2/2025	So sánh cùng kỳ	
				Tuyệt đối	Tăng/ giảm(%)
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	247.730.756.206	136.189.674.010	111.541.082.196	82%
1.1	Lợi nhuận HĐKD	245.009.833.103	132.261.862.571	112.747.970.532	85%
1.1.1	- Lợi nhuận SXKD	133.910.276.006	112.832.735.450	21.077.540.556	19%
1.1.2	- Lợi nhuận HĐTC	111.099.557.097	19.429.127.121	91.670.429.976	472%
1.2	Lợi nhuận khác	2.720.923.103	3.927.811.439	(1.206.888.336)	(31%)
2	Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.582.898.387	27.723.829.562	3.859.068.825	14%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	215.700.066.206	108.465.844.448	107.234.221.758	99%

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế Quý 2/2026 đạt 247,7 tỷ đồng, tăng 111,5 tỷ đồng tương đương tăng 82% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng lợi nhuận hoạt động kinh doanh Quý 2/2026 đạt 245,01 tỷ đồng, tăng 112,7 tỷ đồng tương đương tăng 85% so với cùng kỳ năm trước.

Cụ thể các nguyên nhân như sau:

- Lợi nhuận sản xuất kinh doanh Quý 2/2026 đạt 133,9 tỷ đồng, tăng 21,1 tỷ đồng tương đương tăng 19% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do Công ty kiểm soát tốt chi phí góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, không ngừng nâng cao chất lượng hàng hóa, dịch vụ gia tăng trải nghiệm cho khách hàng và triển khai áp dụng nhiều chương trình bán hàng kích thích khách hàng sử dụng dịch vụ, hàng hóa
- Lợi nhuận hoạt động tài chính Quý 2/2026 đạt 111,1 tỷ đồng, tăng 91,7 tỷ đồng tương đương tăng 472% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do cổ tức được chia từ các khoản đầu tư góp vốn bên ngoài tăng so với cùng kỳ năm trước.
- Lợi nhuận khác Quý 2/2026 đạt 2,7 tỷ đồng, giảm 1,2 tỷ đồng tương đương giảm 31% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do giảm các khoản hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi từ nhà cung cấp.

Từ đó đã làm cho lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 2/2026 đạt 215,7 tỷ đồng tăng 99% so với cùng kỳ năm trước.

Công ty kính báo cáo Quý cơ quan và cổ đông.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT. P.TCKT



TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Hùng Cường

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP.Hồ Chí Minh

MST:

0	3	0	1	1	2	3	1	2	5
---	---	---	---	---	---	---	---	---	---



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG
SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT**

Tháng 07/2026



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 06 năm 2026	1 - 4
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	5
3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	6 - 7
4. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026	8 - 31

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.921.330.388.789	1.627.905.363.144
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	343.556.654.318	392.733.842.179
1. Tiền	111		162.745.900.895	190.733.842.179
2. Các khoản tương đương tiền	112		180.810.753.423	202.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		897.230.939.725	585.700.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2đ	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123	V.2b	897.230.939.725	585.700.000.000
4. Dự phòng Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	124		-	-
5. Đầu tư ngắn hạn khác	125	V.2b	-	-
6. Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư ngắn hạn khác	126		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		237.109.583.889	370.308.545.749
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	139.231.321.752	159.927.889.987
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	12.525.445.035	10.698.320.206
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu ngắn hạn khác	135	V.5a	137.951.795.247	259.744.507.245
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	V.5c	(52.598.978.145)	(60.062.171.689)
7. Tài sản thiếu chờ xử lý	137		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		194.157.540.748	68.911.497.308
1. Hàng tồn kho	141	V.6	194.157.540.748	68.911.497.308
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản sinh học ngắn hạn	150		-	-
1. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần ngắn hạn	151		-	-
2. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm 1 lần ngắn hạn	152		-	-
3. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học ngắn hạn	153		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác	160		249.275.670.109	210.251.477.908
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	V.7a	22.794.575.255	8.680.245.171
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162		226.459.594.959	199.445.596.039
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	V.16	21.499.895	2.125.636.698
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	164		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	165		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		821.249.521.197	836.343.250.209
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		244.735.125.098	247.027.416.748
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215	V.5b	244.735.125.098	247.027.416.748
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216	V.5c	-	-
II. Tài sản cố định	220		150.215.615.566	160.642.917.885
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	128.019.693.143	140.236.993.763
- Nguyên giá	222	V.8	631.247.388.503	621.206.432.297
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	V.8	(503.227.695.360)	(480.969.438.534)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	22.195.922.423	20.405.924.122
- Nguyên giá	228	V.9	38.680.263.601	36.307.263.601
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	V.9	(16.484.341.178)	(15.901.339.479)
III. Tài sản sinh học dài hạn	230		-	-
1. Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ	231		-	-
a Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ chưa đến giai đoạn trư	232		-	-
b Súc vật nuôi cho sản phẩm định kỳ đến giai đoạn trưởng tì	233		-	-
- Nguyên giá	234		-	-
- Giá trị khấu hao lũy kế	235		-	-
2. Súc vật nuôi lấy sản phẩm một lần dài hạn	236		-	-
3. Cây trồng theo mùa vụ hoặc lấy sản phẩm 1 lần dài hạn	237		-	-
4. Dự phòng tổn thất tài sản sinh học dài hạn	238		-	-
IV. Bất động sản đầu tư	240	V.10	32.243.749.055	32.243.749.055
- Nguyên giá	241	V.10	37.252.913.794	37.252.913.794
- Giá trị hao mòn lũy kế	242	V.10	(5.009.164.739)	(5.009.164.739)
V. Tài sản dở dang dài hạn	250		117.152.196.884	115.918.116.342
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	251		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	V.11	117.152.196.884	115.918.116.342
VI. Đầu tư tài chính dài hạn	260		253.830.133.419	254.341.289.319
1. Đầu tư vào công ty con	261		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262	V.2c	161.376.992.269	161.376.992.269
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263	V.2c	107.246.251.500	107.246.251.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	264	V.2c	(14.793.110.350)	(14.281.954.450)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	265		-	-
6. Dự phòng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	266		-	-
VII. Tài sản dài hạn khác	270		23.072.701.175	26.169.760.860
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	V.7b	18.768.063.031	21.417.331.103
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	V.12	4.304.638.144	4.752.429.757
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	273		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	274		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		2.742.579.909.986	2.464.248.613.353

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.029.978.116.991	585.435.385.741
I. Nợ ngắn hạn	310		1.026.590.314.991	581.494.188.741
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	90.488.673.349	161.016.131.748
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	4.605.353.871	4.144.399.336
3. Phải trả cổ tức, lợi nhuận	313	V.15	538.419.064.380	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước ngắn hạn	314	V.16	41.833.869.848	79.624.759.688
5. Phải trả người lao động	315	V.17	119.258.530.116	139.850.367.156
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.18	46.105.889.636	4.999.211.362
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng ngắn hạn	318		-	-
9. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.19	3.714.226.288	2.690.975.728
10. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.20	29.695.809.708	17.197.964.906
11. Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	321		-	-
12. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		-	-
13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.21	152.468.897.795	171.970.378.817
14. Quỹ bình ổn giá	324		-	-
15. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	325		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.387.802.000	3.941.197.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước dài hạn	333		-	-
4. Chi phí phải trả dài hạn	334		-	-
5. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	335		-	-
6. Phải trả nội bộ dài hạn	336		-	-
7. Doanh thu chờ phân bổ dài hạn	337		-	-
8. Phải trả dài hạn khác	338	V.20a	3.387.802.000	3.941.197.000
9. Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	339		-	-
10. Trái phiếu chuyển đổi	340		-	-
11. Cổ phiếu ưu đãi	341		-	-
12. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	342		-	-
13. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	-
14. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	344		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	1.712.601.792.995	1.878.813.227.612
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.334.813.100.000	1.334.813.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.334.813.100.000	1.334.813.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn	412		3.862.620.000	3.862.620.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(341.040.000)	(341.040.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		582.661.723	582.661.723
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		373.684.451.272	539.895.885.889
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối				
lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		2.885.400.049	5.845.684.008
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		370.799.051.223	534.050.201.881
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.742.579.909.986	2.464.248.613.353

Nguyễn Thị Vân Anh
Người lậpĐỗ Thị Minh Châu
Kế toán trưởngNguyễn Văn Hùng Cường
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)
Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.24	774.997.933.994	770.216.012.967	1.553.515.899.350	1.534.465.744.693
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.25	17.671.862	32.032.704	33.771.402	44.101.870
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		774.980.262.132	770.183.980.263	1.553.482.127.948	1.534.421.642.823
4. Giá vốn hàng bán	11	V.26	270.458.218.865	312.029.976.463	504.521.698.861	614.296.475.885
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		504.522.043.267	458.154.003.800	1.048.960.429.087	920.125.166.938
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý BĐS đầu tư	21					
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	V.27	113.767.311.529	22.500.636.951	135.166.456.241	39.562.164.691
8. Chi phí tài chính	23	V.28	2.667.754.432	3.071.509.830	2.945.732.903	8.365.002.687
Trong đó: chi phí lãi vay	24		0	0	0	0
9. Chi phí bán hàng	25	V.29	270.390.910.830	265.481.083.052	553.437.742.521	518.314.361.285
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.30	100.220.856.431	79.840.185.298	194.798.817.247	163.531.462.619
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		245.009.833.103	132.261.862.571	432.944.592.657	269.476.505.038
12. Thu nhập khác	31	V.31	2.997.965.202	4.348.754.275	5.202.513.981	8.740.991.673
13. Chi phí khác	32	V.32	277.042.099	420.942.836	579.855.061	427.249.111
14. Lợi nhuận khác	40		2.720.923.103	3.927.811.439	4.622.658.920	8.313.742.562
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		247.730.756.206	136.189.674.010	437.567.251.577	277.790.247.600
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	31.582.898.387	27.723.829.562	66.320.408.741	56.580.057.684
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.12	447.791.613	-	447.791.613	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		215.700.066.206	108.465.844.448	370.799.051.223	221.210.189.916
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.33	1.616	813	2.779	1.658
20. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	V.33	1.616	813	2.779	1.658

Nguyễn Thị Văn Anh
Người lập

Đỗ Thị Minh Châu
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hùng Cường
Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		437.567.251.577	277.790.247.600
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8-10	22.841.258.525	21.350.089.278
- Các khoản dự phòng	03	V.5c	(6.952.037.644)	(7.777.788.827)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(167.586.595)	4.190.494.193
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(128.172.725.163)	(22.737.652.062)
- Chi phí đi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		325.116.160.700	272.815.390.182
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		193.428.934.840	164.875.925.958
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(125.246.043.440)	(35.735.836.319)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(50.637.382.505)	(23.693.160.047)
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(6.952.328.823)	(17.792.674.548)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư	13		-	-
- Chi phí đi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(91.565.662.291)	(46.228.718.126)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		5.000.000	1.410.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.21	(19.506.481.022)	(10.567.308.586)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		224.642.197.459	303.675.028.514
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(1.069.049.691)	(26.387.866.348)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(681.530.939.725)	(545.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		370.000.000.000	447.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		38.935.426.014	71.633.575.016
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(273.664.563.402)	(53.254.291.332)

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 2 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2026

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(307.640.920)	(239.274.155)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(307.640.920)	(239.274.155)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(49.330.006.863)	250.181.463.027
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		392.733.842.179	217.245.829.384
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		152.819.002	2.162.366.060
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	343.556.654.318	469.589.658.471

Nguyễn Thị Vân Anh
Người lậpĐỗ Thị Minh Châu
Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 07 năm 2026

Nguyễn Văn Hùng Cường
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 2 năm 2026

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty Cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế biến suất ăn, kinh doanh ăn uống, hàng mỹ nghệ, hàng miễn thuế; Sản xuất nước nắm; Kinh doanh khách sạn, du lịch; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô, taxi nội tỉnh và liên tỉnh; Sửa chữa ô tô, lắp đặt trang thiết bị phục vụ mặt đất ngành Hàng không; Khai thác dịch vụ kỹ thuật thương mại Hàng không; Đại lý bán vé máy bay, kinh doanh quảng cáo; Xuất nhập khẩu hàng hóa phục vụ hành khách, nhập khẩu trang thiết bị phục vụ công tác kinh doanh của công ty; Mua bán rượu và thuốc lá điều sản xuất trong nước; Bán lẻ xăng dầu; Kinh doanh trang trại; Kinh doanh bất động sản, môi giới bất động sản; Kinh doanh du lịch, lữ hành quốc tế, đại lý đổi ngoại tệ; Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng; Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa; Dịch vụ massage, xoa bóp, bấm huyệt đôi bàn chân tại khu vực cách ly ga đi quốc tế sân bay Tân Sơn Nhất; Dịch vụ cung cấp suất ăn hàng không, Dịch vụ cung cấp suất ăn đường sắt

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất	Số 45 đường Trường Sơn, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Mua bán cho thuê vật tư, thiết bị phục vụ ngành xăng dầu; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không	38.03%	38.03%	38.03%
Công ty TNHH Phú Quốc – Sasco	Số 47 đường Nguyễn Huệ, khu phố 5, Đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang	Chế biến thủy sản; Kinh doanh dịch vụ khách sạn	50,00%	50,00%	50,00%
Công ty Cổ phần Phát triển Vườn xanh	Số 45 đường Trường Sơn, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn, thiết kế, thi công và bảo trì sân vườn; Cung cấp các dịch vụ cây trang trí cho văn phòng; Cho thuê cây	24,00%	24,00%	24,00%

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Trung tâm thương mại Sasco Tân Sơn Nhất	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Phòng kinh doanh hàng Miễn thuế	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tên đơn vị	Địa chỉ
Phòng kinh doanh dịch vụ Phòng chờ	Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh
Văn phòng Đại Diện Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại Hà Nội	Tầng 4, Tòa nhà NTS, Cảng hàng không quốc tế Nội Bài, Xã Nội Bài, TP. Hà Nội
Chi nhánh Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại Phú Quốc	Số 379 đường Nguyễn Trung Trực, khu khổ 5, Đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại Long An	Lô Q-1B Khu công nghiệp Long Hậu mở rộng, Xã Cần Giuộc, tỉnh Tây Ninh
Chi nhánh Công ty Cổ phần dịch vụ hàng không sân bay Tân Sơn Nhất tại Khánh Hòa	Cảng hàng không Quốc Tế Cam Ranh, Phường Bắc Cam Ranh, Tỉnh Khánh Hòa

6. **Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính**
Các số liệu tương ứng của Quý trước so sánh được với số liệu của Quý này.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
- Các giao dịch bằng ngoại tệ**
Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.
Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ kế toán từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với các khoản phải thu, nợ phải trả: tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng thương mại Cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác, nợ phải trả: tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng thương mại Cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu hoán đổi được xác định dựa trên giá thị trường tại thời điểm trao đổi hoặc giá thỏa thuận.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, khoản đầu tư vào hợp đồng BCC mà doanh nghiệp không có đồng kiểm soát nhưng được hưởng lợi ích phụ thuộc vào lợi nhuận sau thuế của hợp đồng BCC.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Sản phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho hàng hóa của cửa hàng miễn thuế và trung tâm thương mại được tính theo phương pháp thực tế đích danh, hàng tồn kho còn lại được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí chờ phân bổ

Chi phí chờ phân bổ bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí chờ phân bổ của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tài sản cố định, tiền thuê đất trả trước. Các chi phí chờ phân bổ này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tài sản cố định

Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho Khu công nghiệp Long Hậu mở rộng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (46 năm).

Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác

Chi phí chờ phân bổ dài hạn khác bao gồm chi phí thuê mặt bằng quảng cáo, bản quyền diệt virus, ... được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 30
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05
Tài sản cố định hữu hình khác	05

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 34 – 50 năm.

Nhãn hiệu hàng hóa

Nhãn hiệu hàng hóa được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 04 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

12. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được trích khấu hao. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được ghi giảm nguyên giá và tổn thất được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

14. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

14.1 Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát – Liên doanh Autogrill

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính tổng hợp các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

14.2 Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Công ty đã ký kết Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”) với đối tác Airport Dimensions–Legacy PTE. LTD cùng nhau hợp tác kinh doanh phòng chờ Rose tại Nhà ga Quốc tế Sân bay Tân Sơn Nhất, Việt Nam. Việc hạch toán kế toán cho HĐHTKD được thực hiện như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Công ty theo dõi toàn bộ doanh thu, chi phí liên quan đến hoạt động hợp tác kinh doanh
- Công ty ghi nhận doanh thu và chi phí của HĐHTKD tương ứng với phần Công ty được hưởng và phải chịu trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- Công ty ghi nhận lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế từ HĐHTKD tương ứng với phần đối tác được hưởng vào tài khoản phải trả ngắn hạn khác.
- Công ty chịu trách nhiệm kê khai, nộp các loại thuế liên quan theo quy định của pháp luật hiện hành

15. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, phải trả cổ tức, lợi nhuận, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải trả cổ tức, lợi nhuận để phản ánh số cổ tức, lợi nhuận phải trả (bằng tiền, các tài sản phi tiền tệ) và tình hình thanh toán khoản cổ tức, lợi nhuận phải trả bằng tiền cho các cổ đông, thành viên góp vốn của công ty. Thời điểm ghi nhận khoản phải trả về cổ tức, lợi nhuận là thời điểm doanh nghiệp không có quyền từ chối nghĩa vụ chi trả cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông và thành viên góp vốn của công ty theo quy định của pháp luật liên quan.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

16. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

17. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có quyết định hoặc thông báo trả cổ tức.

18. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi

Doanh thu đối với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng là phần hoa hồng bán hàng mà Công ty được hưởng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ bao gồm hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm nay.
- Nếu khoản trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp của năm sau.

20. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

21. Các khoản chi phí:

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tiền mặt	13.086.342.306	15.066.506.143
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	148.059.462.868	174.560.922.184
Tiền đang chuyển ⁽ⁱⁱ⁾	1.600.095.721	1.106.413.852
Các khoản tương đương tiền ⁽ⁱⁱⁱ⁾	180.810.753.423	202.000.000.000
Cộng	343.556.654.318	392.733.842.179

- (i) Tại ngày 30.06.2026, số dư tiền gửi không kỳ hạn tại Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam là 103.823.578.253 VND và các ngân hàng khác là 44.235.884.615 VND
- (ii) Thẻ tín dụng thu của khách hàng.
- (iii) Tại ngày 30.06.2026, khoản tiền gửi kỳ hạn từ 1 đến 3 tháng (bao gồm giá trị tiền gửi và lãi dự thu) tại Ngân Hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam là 140.659.794.519 VND và các ngân hàng khác là 40.150.958.904 VND

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

Trong quý không phát sinh

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	897.230.939.725	585.700.000.000
Cộng	897.230.939.725	585.700.000.000

Tại ngày 30.06.2026, khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến dưới 12 tháng (bao gồm giá trị tiền gửi và lãi dự thu) bao gồm:

- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam là 122.790.435.617 VND
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam là 176.818.353.424 VND
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam là 122.838.246.575 VND
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam là 97.055.890.411 VND
- Ngân hàng TMCP Á Châu là 91.812.273.973 VND
- Các ngân hàng khác là 285.915.739.725 VND

2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Dự phòng</u>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	161.376.992.269		161.376.992.269	
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất ⁽ⁱ⁾	149.376.730.000		149.376.730.000	
Công ty TNHH Phú Quốc – Sasco ⁽ⁱⁱ⁾	10.800.262.269		10.800.262.269	
Công ty Cổ phần Phát triển Vườn Xanh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	1.200.000.000		1.200.000.000	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	107.246.251.500	(14.793.110.350)	107.246.251.500	(14.281.954.450)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng không Sân bay Nội Bài	8.696.000.000		8.696.000.000	
Công ty Cổ phần Suất ăn Hàng không Nội Bài	21.811.000.000		21.811.000.000	
Công ty Cổ phần Địa ốc Thảo Điền	44.732.290.000		44.732.290.000	
Công ty Cổ phần Thương mại Bía Sài Gòn Trung Tâm	70.000.000		70.000.000	
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công	11.542.176.000	(9.863.110.350)	11.542.176.000	(9.351.954.450)
Công ty Cổ phần Xây dựng Công Nghiệp	4.930.000.000	(4.930.000.000)	4.930.000.000	(4.930.000.000)
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hóa Tân Sơn Nhất	15.464.785.500		15.464.785.500	
Cộng	268.623.243.769	(14.793.110.350)	268.623.243.769	(14.281.954.450)

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305515395, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 02 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 08 tháng 3 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Tân Sơn Nhất 149.376.730.000 đồng, tương đương 38,03% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1700106451, đăng ký lần đầu ngày 12 tháng 4 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần 07 ngày 27 tháng 3 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Phú Quốc - Sasco 10.800.262.269 VND, tương đương 50% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**

- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0305515483, đăng ký lần đầu ngày 13 tháng 02 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 19 tháng 6 năm 2021, Công ty nắm giữ 1.200 cổ phiếu tương đương 24% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Vườn xanh.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	10.552.425.282	12.644.292.001
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP	10.534.485.496	12.312.423.955
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Hà Nội	-	7.582.000
Công ty TNHH Autogrill VFS F&B	-	900.000
Công ty TNHH Thời Trang Và Mỹ Phẩm Âu Châu	-	129.257.718
Công ty Cổ Phần Thời Trang Và Mỹ Phẩm Duy Anh	-	179.470.218
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Liên Thái Bình Dương	17.939.786	14.658.110
Phải thu các khách hàng khác	128.678.896.470	147.283.597.986
Công ty CP Hàng Không Tre Việt	19.772.547.921	28.286.243.133
PRIORITY PASS (A.P) Ltd	16.412.658.426	20.500.696.887
Tổng Công ty Hàng không VN-CTCP-Trung Tâm Khai Thác Tân Sơn Nhất	16.536.946.814	20.192.899.781
Các khách hàng khác	75.956.743.309	78.303.758.185
Cộng	139.231.321.752	159.927.889.987

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Trả trước cho bên liên quan	2.261.824.305	-
Công ty TNHH Phú Quốc – Sasco	2.261.824.305	-
Trả trước cho các người bán khác	10.263.620.730	10.698.320.206
Công ty Cổ phần đầu tư và Thương mại GHT Việt Nam	3.900.000.000	3.900.000.000
Các nhà cung cấp khác	6.363.620.730	6.798.320.206
Cộng	12.525.445.035	10.698.320.206

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	97.868.831.795	211.295.446.463
Công ty Cổ phần Vận tải Hàng Không Miền Nam – chi hộ thuê mặt bằng	17.205.397.595	17.205.397.595
Công ty CP Xăng dầu Tân Sơn Nhất -Lợi nhuận được chia IPP GROUP PTE LTD	80.663.434.200	194.090.048.868
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	40.082.963.452	48.449.060.782
Tạm ứng	761.017.592	70.920.000
Lãi dự thu của các ngân hàng	-	9.971.387.399
Ký quỹ	758.609.912	712.615.000
Phải thu của người lao động – các khoản bảo hiểm, thuế TNCN	1.091.127.822	1.019.043.614
Tổng Công ty hàng không Việt Nam - Trung tâm khai thác Tân Sơn Nhất (TOC) - chi hộ tiền thuê đất	7.024.679.124	7.024.679.124
Hải quan cửa khẩu sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất	13.877.589.133	13.877.589.133
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Mặt Đất Sân Bay Việt Nam- chi hộ tiền thuê đất	5.955.534.564	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Địa ốc Thảo Điền - Lợi nhuận được chia	-	1.296.440.800
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	10.614.405.305	14.476.385.712
Cộng	137.951.795.247	259.744.507.245
5b. Phải thu dài hạn khác		
	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>244.735.125.098</i>	<i>247.027.416.748</i>
Ký quỹ	16.972.934.880	19.265.226.530
Ứng tiền để bồi thường, hỗ trợ và giải phóng mặt bằng tại khu du lịch sinh thái Bắc Vũng Bàu tại ấp 04, xã Cửa Cạn, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	162.389.278.838	162.389.278.838
Công ty CP Xuất nhập khẩu và Hợp tác đầu tư giao thông vận tải (Tracimexco) – vốn góp hợp tác đầu tư xây dựng	30.040.240.000	30.040.240.000
Công ty TNHH một thành viên xây dựng và kinh doanh Nhà Phú Nhuận – vốn góp hợp tác kinh doanh	16.720.978.687	16.720.978.687
Ứng trước phí làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	13.000.000.000	13.000.000.000
Ứng tiền đền bù giải tỏa dự án khách sạn Sasco – Nha Trang	5.611.692.693	5.611.692.693
Cộng	244.735.125.098	247.027.416.748
5c. Dự phòng nợ phải thu		
Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:		
	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	60.062.171.689	369.500.665.465
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng	(7.463.193.544)	(14.860.619.003)
Công ty CP Hàng Không Tre Việt	(7.463.193.544)	(15.632.766.977)
Các khách hàng khác	-	772.147.974
Xóa nợ - Công ty Liên doanh Nhà Việt (Viethaus)	-	(294.577.874.773)
Số cuối kỳ	52.598.978.145	60.062.171.689
6. Hàng tồn kho		
	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Hàng mua đang đi trên đường	4.519.247.361	-
Nguyên liệu, vật liệu	8.844.294.451	7.983.800.397
Công cụ, dụng cụ	2.191.774.985	3.059.677.134
Sản phẩm	512.962.778	586.930.198
Hàng hóa	178.089.261.173	57.281.089.579
Cộng	194.157.540.748	68.911.497.308
7. Chi phí chờ phân bổ		
7a. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn		
	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất	8.874.075.888	-
Chi phí bảo hiểm	3.003.862.111	510.312.134
Công cụ, dụng cụ	1.087.151.000	2.622.671.828
Các chi phí chờ phân bổ ngắn hạn khác	9.829.486.256	5.547.261.209
Cộng	22.794.575.255	8.680.245.171

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

7b. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Thuê mặt bằng, nhà kho, nhà xưởng	7.933.276.564	8.051.978.956
Công cụ, dụng cụ	6.378.048.687	7.137.808.851
Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ	3.246.731.894	4.449.589.793
Các chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	1.210.005.886	1.777.953.503
Cộng	18.768.063.031	21.417.331.103

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	278.176.687.332	60.270.035.196	260.035.843.801	7.021.894.519	15.701.971.449	621.206.432.297
Mua trong kỳ	405.121.450	1.791.916.668	-	-	-	2.197.038.118
Đầu tư XDCB	7.755.020.282	88.897.806	-	-	-	7.843.918.088
Số cuối quý	286.336.829.064	62.150.849.670	260.035.843.801	7.021.894.519	15.701.971.449	631.247.388.503
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	97.368.536.297	32.456.365.817	158.281.717.324	6.095.440.823	15.575.121.449	309.777.181.710
<i>Chờ thanh lý</i>	652.773.180		10.723.708.706			11.376.481.886
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	193.506.294.876	45.552.897.223	219.742.043.014	6.544.881.995	15.623.321.426	480.969.438.534
Khấu hao trong kỳ	11.249.325.663	3.902.317.671	6.988.599.700	106.513.790	11.500.002	22.258.256.826
Số cuối quý	204.755.620.539	49.455.214.894	226.730.642.714	6.651.395.785	15.634.821.428	503.227.695.360
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	84.670.392.456	14.717.137.973	40.293.800.787	477.012.524	78.650.023	140.236.993.763
Số cuối quý	81.581.208.525	12.695.634.776	33.305.201.087	370.498.734	67.150.021	128.019.693.143

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Nhãn hiệu hàng hóa	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	30.944.738.761	55.555.555	5.306.969.285	36.307.263.601
Mua trong kỳ	-	-	2.373.000.000	2.373.000.000
Số cuối quý	30.944.738.761	55.555.555	7.679.969.285	38.680.263.601
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	55.555.555	4.745.642.285	4.801.197.840
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	10.909.833.063	55.555.555	4.935.950.861	15.901.339.479
Khấu hao trong kỳ	340.983.996	-	242.017.703	583.001.699
Số cuối quý	11.250.817.059	55.555.555	5.177.968.564	16.484.341.178
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	20.034.905.698	-	371.018.424	20.405.924.122
Số cuối quý	19.693.921.702	-	2.502.000.721	22.195.922.423

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Bất động sản đầu tư*Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá*

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn đã trích theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC	Tồn thất do suy giảm giá trị	Giá trị còn lại
Số đầu năm	37.252.913.794	5.009.164.739	-	32.243.749.055
Số cuối quý	37.252.913.794	5.009.164.739	-	32.243.749.055

Theo qui định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính cần phải được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

Chi tiết danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc quý như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Khu đất 10.316 m ² tại Xuân Thới Sơn – Hóc Môn	5.132.260.000	801.122.625	4.331.137.375
Khu đất số 9,10,11 thuộc Khu đất 2.000 m ² và 1.000m ² tại đường Hùng Vương, Đặc khu Phú Quốc	6.222.717.346	1.256.109.502	4.966.607.844
Khu đất số 5 thuộc khu đất 1.475,8 m ² tại đường Hùng Vương, Đặc khu Phú Quốc	3.472.623.126	660.530.562	2.812.092.564
Khu đất số 5 thuộc khu đất 2.200 m ² tại đường Hùng Vương, Đặc khu Phú Quốc	8.216.358.700	683.547.876	7.532.810.824
Khu đất 9.973 m ² tại ấp Rạch Chiểu, Hàm Ninh, Đặc khu Phú Quốc	5.458.267.422	396.881.118	5.061.386.304
Khu đất số 13 thuộc khu đất 4.758 m ² tại đường Nguyễn Chí Thành, Đặc khu Phú Quốc	8.750.687.200	1.210.973.056	7.539.714.144
Cộng	37.252.913.794	5.009.164.739	32.243.749.055

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển giảm trong kỳ	Số cuối quý
Mua sắm tài sản cố định	1.898.400.000	6.537.723.533	(7.431.123.533)	1.005.000.000
Xây dựng cơ bản dở dang	114.019.716.342	11.623.046.404	(9.495.565.862)	116.147.196.884
Dự án trang trại Suối Nhung (Bình Phước)	31.130.096.461	382.444.000	-	31.512.540.461
Dự án khách sạn SASCO – Nha Trang	15.144.108.727	178.946.932	-	15.323.055.659
Dự án khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Suối Hoa	30.443.974.757	357.589.445	-	30.801.564.202
Dự án khu Du Lịch Sinh Thái Vừng Bầu Phú Quốc	20.108.693.037	425.876.524	-	20.534.569.561
Các dự án khác	17.192.843.360	10.278.189.503	(9.495.565.862)	17.975.467.001
Cộng	115.918.116.342	18.160.769.937	(16.926.689.395)	117.152.196.884

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại***Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận***

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Số cuối quý	Số đầu năm
Số đầu năm	4.752.429.757	7.610.756.549
Số phát sinh trong kỳ	(447.791.613)	(2.858.326.792)
Số cuối quý	4.304.638.144	4.752.429.757

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	37.073.314.257	77.692.615.686
IPP GROUP (S) PTE LTD	-	8.667.833.006
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam-CTCP	2.853.340.277	33.510.354.561
Công ty TNHH Autogrill VFS F&B	13.674.524.049	15.714.762.194
Công ty Cổ phần thương mại xăng dầu Tân Sơn Nhất	874.525.787	852.187.759
Công ty Cổ phần phát triển Vườn Xanh	38.270.760	33.421.560
Công ty Cổ phần Thương Mại Duy Anh	2.573.130	-
Công ty TNHH Dịch Vụ Nhà ga Quốc tế Cam Ranh	1.313.080.390	940.372.859
Công ty TNHH Thời Trang Và Mỹ Phẩm Âu Châu	11.811.270.966	12.480.711.916
Công ty Cổ Phần Thời Trang Và Mỹ Phẩm Duy Anh	6.378.969.057	5.167.459.168
Công ty Cổ phần thương mại hàng không Miền Nam	30.909.841	23.138.263
Công ty TNHH Phú Quốc - SASCO	-	206.902.400
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn	95.850.000	95.472.000
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	53.415.359.092	83.323.516.062
LOTTE TRAVEL RETAIL SINGAPORE PTE LTD	1.883.061.748	13.074.679.023
Các nhà cung cấp khác	51.532.297.344	70.248.837.039
Cộng	90.488.673.349	161.016.131.748

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	353.621.815	82.135.000
Công ty Cổ phần phục vụ mặt đất Sài Gòn	82.135.000	82.135.000
Công ty TNHH Autogrill VFS F&B	271.486.815	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	4.251.732.056	4.062.264.336
Công ty MKT	647.250.240	-
Công ty TNHH Quảng Cáo Tiếp Thị Mai Thanh	1.449.068.640	-
Các khách hàng khác	2.155.413.176	4.062.264.336
Cộng	4.605.353.871	4.144.399.336

15. Phải trả về cổ tức, lợi nhuận

	Số cuối quý	Số đầu năm
Phải trả cổ tức đợt còn lại năm 2025	537.010.485.840	-
Phải trả cổ tức cho các cổ đông cá nhân chưa lưu ký chứng khoán trước năm 2025	1.408.578.540	-
Cộng	538.419.064.380	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Trước ngày 1.1.2026, Khoản phải trả về cổ tức được trình bày tại mục 20 phải trả ngắn hạn khác theo Thông tư 200/2014/TT-BTC.
- Từ ngày 1.1.2026, Khoản phải trả về cổ tức được trình bày theo hệ thống tài khoản quy định tại Thông tư 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối quý	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT phải nộp	222.078.684	-	618.142.673	(840.221.357)	36.862.478	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	11.057.455	(11.057.455)	-	-
Thuế TTĐB	7.683.272	-	51.638.113	(56.879.865)	2.441.520	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	51.909.273.301	-	69.837.168.149	(91.565.662.291)	30.180.779.159	-
Thuế thu nhập cá nhân	83.571.652	2.125.636.698	18.370.263.433	(15.632.093.747)	717.604.535	21.499.895
Thuế nhà đất	-	-	129.213.359	(129.213.359)	-	-
Tiền thuê đất	27.359.573.063	-	22.009.050.600	(38.457.690.863)	10.910.932.800	-
Các loại thuế khác	42.579.716	-	634.720.402	(655.188.284)	22.111.834	-
Cộng	79.624.759.688	2.125.636.698	111.661.254.184	(147.348.007.221)	41.833.869.848	21.499.895

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Kinh doanh hàng miễn thuế: 0%
- Dịch vụ vận tải hành khách quốc tế và xuất khẩu tại chỗ: 0%
- Kinh doanh hàng hóa, dịch vụ khác: 05% - 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

- Quỹ lương của người lao động và Ban điều hành được trích lập với tỷ lệ 36,6% lợi nhuận (tổng doanh thu trừ tổng chi phí chưa có lương) theo Nghị quyết số 02-NQ/SASCO-ĐHĐCĐ-2026 ngày 25 tháng 06 năm 2026 được Đại hội cổ đông thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026.
- Quỹ lương của Ban kiểm soát
- Số dư cuối kỳ là quỹ tiền lương còn phải trả người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	46.105.889.636	4.999.211.362
Cộng	46.105.889.636	4.999.211.362

Chi phí phải trả ngắn hạn chủ yếu là các khoản trích trước chi phí phục vụ sản xuất kinh doanh

19. Doanh thu chờ phân bổ

Tiền trả trước cho dịch vụ phòng chờ, buồng ngủ... Không có doanh thu chờ phân bổ liên quan đến các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

20. Phải trả khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
<i>Phải trả ngắn hạn khác</i>		
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	29.695.809.708	17.197.964.906
Cổ tức phải trả	-	1.716.219.460
Kinh phí công đoàn	1.399.728.509	195.623.871
Nhận ký quỹ ngắn hạn	3.807.771.570	3.256.555.765
Phải trả về thu đổi ngoại tệ	895.170.451	1.243.162.320
Khoản phải trả hợp tác kinh doanh - Airport Dimensions Legacy PTE. LTD	17.461.925.705	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	6.131.213.473	10.786.403.490
Cộng	29.695.809.708	17.197.964.906

20a. Phải trả dài hạn khác

Các khoản ký quỹ dài hạn phải trả cho các tổ chức khác.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi:

	Số đầu năm	Trích quỹ trong kỳ	Tăng khác	Chi trong kỳ	Số cuối quý
Quỹ khen thưởng	69.145.540.845	-	-	(10.452.190.000)	58.693.350.845
Quỹ phúc lợi	94.478.907.989	-	5.000.000	(708.361.039)	93.775.546.950
Quỹ thưởng HĐQT & BKS	8.345.929.983	-	-	(8.345.929.983)	-
Cộng	171.970.378.817	-	5.000.000	(19.506.481.022)	152.468.897.795

22. Vốn chủ sở hữu*Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	1.334.813.100.000	3.862.620.000	(341.040.000)	582.661.723	145.380.471.154	1.484.297.812.877
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	695.494.165.212	695.494.165.212
Trích lập quỹ kỳ trước	-	-	-	-	(81.372.817.331)	(81.372.817.331)
Chia cổ tức kỳ trước	-	-	-	-	(374.866.415.190)	(374.866.415.190)
Số dư cuối kỳ trước	1.334.813.100.000	3.862.620.000	(341.040.000)	582.661.723	539.895.885.889	1.878.813.227.612
Số dư đầu năm nay	1.334.813.100.000	3.862.620.000	(341.040.000)	582.661.723	539.895.885.889	1.878.813.227.612
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	370.799.051.223	370.799.051.223
Chia cổ tức kỳ này	-	-	-	-	(537.010.485.840)	(537.010.485.840)
Số dư cuối kỳ này	1.334.813.100.000	3.862.620.000	(341.040.000)	582.661.723	373.684.451.272	1.712.601.792.995

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 36-2026/NQ-HĐQT ngày 30 tháng 06 năm 2026, thông qua việc chi trả cổ tức đợt 2 năm 2025 bằng tiền mặt theo tỷ lệ chi trả 4.024 đồng/cổ phiếu với số tiền là 537.010.485.840 đồng. Cổ tức được chi trả cho các cổ đông trong tháng 08/2026.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tổng Công ty Cảng hàng không Việt Nam – CTCP	655.042.000.000	655.042.000.000
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Liên Thái Bình Dương	333.402.000.000	333.402.000.000
Công ty TNHH Thời trang và mỹ phẩm Âu Châu	198.714.000.000	205.384.000.000
Công ty TNHH Thời trang và mỹ phẩm Duy Anh	65.750.000.000	65.750.000.000
Cổ phiếu quỹ	294.000.000	294.000.000
Các cổ đông khác	81.611.100.000	74.941.100.000
Cộng	1.334.813.100.000	1.334.813.100.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cổ phiếu	Số cuối quý	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	133.481.310	133.481.310
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	133.481.310	133.481.310
- Cổ phiếu phổ thông	133.481.310	133.481.310
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	29.400	29.400
- Cổ phiếu phổ thông	29.400	29.400
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	133.451.910	133.451.910
- Cổ phiếu phổ thông	133.451.910	133.451.910
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

23. Nợ khó đòi đã xử lý:

	Số cuối quý		Số đầu năm		Ghi chú
	Nguyên tệ	VND	Nguyên tệ	VND	
Phải thu khách hàng	-	8.210.276.481	-	8.210.276.481	Không có khả năng thu hồi
Trả trước cho người bán	-	38.691.000	-	38.691.000	Không có khả năng thu hồi
Phải thu khác ngắn hạn	-	47.336.464.030	-	47.336.464.030	Không có khả năng thu hồi
Phải thu khác dài hạn	-	242.418.887.323	-	242.418.887.323	Không có khả năng thu hồi
Tạm ứng	-	240.000.000	-	240.000.000	Không có khả năng thu hồi
Cộng		298.244.318.834		298.244.318.834	

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế	234.225.258.825	245.385.515.163
Doanh thu hàng hóa tại trung tâm thương mại và các chi nhánh khác	110.482.517.591	92.133.408.219
Doanh thu hoạt động phòng chờ	218.030.058.712	216.545.382.097
Doanh thu các hoạt động khác	212.260.098.866	216.151.707.488
Cộng	774.997.933.994	770.216.012.967

25. Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản hàng bán bị trả lại, chiết khấu

26. Giá vốn hàng bán

	Quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế	156.128.698.555	192.370.634.943
Giá vốn hàng hóa tại trung tâm thương mại và các chi nhánh khác	25.339.129.236	29.236.827.815
Giá vốn phòng chờ	26.713.934.948	36.198.239.669
Giá vốn các hoạt động khác	62.276.456.126	54.224.274.036
Cộng	270.458.218.865	312.029.976.463

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi	22.747.444.330	14.902.440.767
Cổ tức, lợi nhuận được chia	87.948.205.000	-
Chiết khấu thanh toán	3.482.228	2.475.610
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	3.068.179.971	7.595.720.574
Cộng	113.767.311.529	22.500.636.951

28. Chi phí tài chính

	Quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	732.063.405	579.958.119
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá cuối quý	1.371.544.264	2.189.255.211
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	511.155.900	302.296.500
Chi phí tài chính khác	52.990.863	-
Cộng	2.667.754.432	3.071.509.830

29. Chi phí bán hàng

	Quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên bán hàng	46.122.106.267	41.632.221.105
Chi phí vật liệu, bao bì	184.319.279	131.134.389
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	5.088.640.848	6.141.291.747
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.337.807.810	5.462.540.800
Chi phí tiền thuê mặt bằng, nhà xưởng, kho	492.656.160	50.646.646
Chi phí quản lý điều hành hợp đồng hợp tác kinh doanh	38.985.080.345	38.442.436.779
Chi phí hợp tác kinh doanh	133.798.298.167	135.766.535.355
Các chi phí khác	40.382.001.954	37.854.276.231
Cộng	270.390.910.830	265.481.083.052

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	86.238.575.037	60.055.270.561
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	427.252.655	329.309.405
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.229.200.486	1.221.152.136
Thuế, phí và lệ phí	3.710.924.989	7.143.408.976
Dự phòng phải thu khó đòi	(4.020.743.823)	(235.075.111)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.172.566.281	4.859.578.218
Các khoản chi phí khác	7.463.080.806	6.466.541.113
Cộng	100.220.856.431	79.840.185.298

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

31. Thu nhập khác

	Quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ hỗ trợ bán hàng, khuyến mãi	2.758.315.557	3.597.253.737
Các khoản thu nhập khác	239.649.645	751.500.538
Cộng	2.997.965.202	4.348.754.275

32. Chi phí khác

	Quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Các khoản chi phí khác	277.042.099	420.942.836
Cộng	277.042.099	420.942.836

33. Lãi trên cổ phiếu

	Quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	215.700.066.206	108.465.844.448
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Trích thưởng Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	-
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	215.700.066.206	108.465.844.448
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	133.451.910	133.451.910
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.616	813

34. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố:

	Quý 2	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	58.079.435.976	68.475.100.467
Chi phí nhân công	140.316.486.948	110.218.038.625
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.221.722.839	11.420.117.737
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.258.757.161	71.772.727.374
Chi phí khác	170.761.691.160	172.889.055.001
Cộng	455.638.094.084	434.775.039.204

VI. CÁC THÔNG TIN KHÁC TRONG KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ:**1. Giải thích về tính thời vụ hoặc chu kỳ của các hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán giữa niên độ:**

- Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán lẻ, kinh doanh hàng miễn thuế và kinh doanh dịch vụ tại thị trường mục tiêu là sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất.
- Trong kỳ tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty được khôi phục phát triển làm cho doanh thu tăng so với cùng kỳ năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG KHÔNG SÂN BAY TÂN SƠN NHẤT

Địa chỉ: Sân bay Quốc tế Tân Sơn Nhất, Phường Tân Sơn Hòa, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Trình bày việc phát hành, mua lại và hoàn trả các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn:
Trong quý không phát sinh
3. Cổ tức đã trả (tổng số hay trên mỗi cổ phần) của cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi (áp dụng cho công ty cổ phần):
Trong quý không phát sinh
4. Trình bày những sự kiện trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ chưa được phản ánh trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đó:
Trong quý không phát sinh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 07 năm 2026



Nguyễn Thị Vân Anh
Người lập biểu

Đỗ Thị Minh Châu
Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Hùng Cường
Tổng Giám đốc

